

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 50/2024/QĐST-DS

Ô Môn, ngày 21 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 107/2024/TLST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Đ**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu vực E, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: (Hợp đồng ủy quyền ngày 09/3/2024)

- Bà **Trần Thị Thanh N**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Số B, khu vực A, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp Th, xã L, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Ngô Thị Tuyết M**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1961.

- Bà **Nguyễn Thị Bích Ng**, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Khu vực E, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Nguyễn Thị Hoàng D**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu vực L, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của ông Hùng, bà Ngọc, bà Dung: Ông **Lâm Văn K**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu vực E, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ. (Hợp đồng ủy quyền ngày 09/3/2024)

- Văn phòng công chứng A.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Thị Thủy A** - Trưởng Văn phòng.
Địa chỉ: Số X, Quốc lộ Y, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ (có đại diện là bà Trần Thị Thanh N) yêu cầu hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 03/10/2023 được công chứng tại Văn phòng công chứng A, số công chứng 7085, quyền số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Lâm Thị Đ với bà Ngô Thị Tuyết M. bà Đ đồng ý trả lại cho bà M số tiền đặt cọc 300.000.000 (*Ba trăm triệu đồng*), tiền lãi 54.500.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*), chi phí làm hàng rào 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) và tiền phân thuốc 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), tổng cộng là 370.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*). Đồng thời, bà M có nghĩa vụ giao trả cho bà Đ diện tích đất 976,9m² loại đất LUC (có 169,6m² trong HLATGT) cùng toàn bộ tài sản trên đất (*cây trồng, hàng rào - thể hiện tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/7/2024*) cho bà Đ sử dụng. Đất thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 87, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06776 do Ủy ban nhân dân quận Ô Môn cấp ngày 10/10/2022 (chỉnh lý ngày 06/7/2023 do bà Lâm Thị Đ đứng tên). Đất tọa lạc tại khu vực 11, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, thể hiện tại vị trí A Bản trích đo địa chính số 433/VPĐKĐĐ ngày 23/7/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

(*Kèm theo Bản trích đo địa chính số 433/VPĐKĐĐ ngày 23/7/2024 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/7/2024*)

Bị đơn bà Ngô Thị Tuyết M đồng ý với thỏa thuận trên của nguyên đơn bà Lâm Thị Đ (có đại diện là bà Trần Thị Thanh N).

Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Bích Ng, bà Nguyễn Thị Hoàng D (có đại diện là ông Lâm Văn K) đồng ý với thỏa thuận trên của nguyên đơn và bị đơn.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (không bao gồm tiền lãi) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và Trích đo địa chính: Nguyên đơn và bị đơn, mỗi người phải chịu một nửa chi phí này. Nguyên đơn bà Đ đã tạm nộp số tiền 6.837.340 đồng (*Sáu triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, ba trăm bốn mươi đồng*), đã chi hết. Bà M có nghĩa vụ trả lại cho bà Đ số tiền 3.418.670 đồng (*Ba triệu, bốn trăm mười tám nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng*).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ phải nộp số tiền 4.775.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền 7.500.000 đồng (*Bảy triệu*

năm trăm nghìn đồng) bà Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004640 ngày 08/4/2024, bà Đ được nhận lại số tiền 2.725.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); đồng thời bà Đ được nhận lại số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004703 ngày 12/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn bà Ngô Thị Tuyết M phải nộp số tiền 4.775.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Bùi Trần Thanh Thế